

Bản án số: 83/2017/HSST
Ngày: 20/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH QUẢNG BÌNH
Với *Th phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Cường, Cán bộ nghỉ hưu tại xã Đại Trạch, huyện B.

Ông Nguyễn Văn Cao, Cán bộ nghỉ hưu tại thị trấn H Lão, B.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm,
Cán bộ Tòa án nhân dân huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Hg Quỳnh Chi, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 76/2017/HSST ngày 15/11/2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H (Tên gọi khác: không); sinh ngày 02/10/1995, tại B, Quảng Bình; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn TH, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 10/12; con ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1967 và và Trương Thị H, sinh năm 1972; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2017 đến ngày 20/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1989; trú tại: Thôn 1, xã Bắc Trạch, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi liên quan:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971; trú tại: Thôn TH, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 03/8/2017 Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1989 và Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1992 điều trú tại Thôn 1, xã Bắc Trạch, B cùng với Hg Văn S, sinh năm 1983; Hg Xuân Q, sinh năm 1979; Đinh Hoài N, sinh

năm 1998 đều trú tại: thôn TH, xã T, B đến hát karaoke tại nhà nghỉ Hoài Thu II của anh Nguyễn Văn Đ ở thôn T, xã T, B. Trong lúc hát, N và Q về trước, đến khoảng 0 giờ 30 phút ngày 04/8/2017 H, S và Th ra thanh toán tiền thì phát sinh cãi nhau với chị Trương Thị Th (vợ Đ) nên chị Th gọi điện thoại cho anh Đ đến. Đ đến quán và dừng xe ô tô chắn ngang cổng không cho xe của nhóm H ra, sau khi nghe vợ nói H đã thanh toán xong tiền Đ bảo nhân viên mở cổng cho nhóm H về. S và H ra ngoài cổng nhưng không về mà quay lại cãi nhau xô xát với Đ, thấy vậy chị Thu gọi điện thoại cho con trai là Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1997 về. Lúc này, Th đang ngồi nhậu tại nhà bà Nguyễn Thị Hạnh ở thôn 1, Bắc Trạch với Trần Ngọc V, sinh năm 1989; Nguyễn Văn H, sinh năm 1995 và Nguyễn Văn H, sinh năm 1993 đều trú tại thôn TH, xã T. Nhận được điện thoại của mẹ Th nhờ V chở về thì H cùng xin về theo. V điều khiển xe mô tô 73F1-01323 chở Th và H về nhà nghỉ Hoài Thu II, khi đến cổng nhà nghỉ thấy S và H đang giằng co, cãi nhau với Đ nên Th chạy thẳng vào trong nhà bếp lấy một gậy gỗ, H vào nhà bếp lấy một con dao ra để đuổi đánh nhóm H và S. Lúc này, V vào can ngăn ôm H thì bị H rút dao trong người ra chém vào sau gáy V chảy máu rồi bỏ chạy. Thấy V bị chém chảy máu, Đ Th và H cùng với V đuổi theo H để đánh. H chạy ra đường QL 1A thì gặp xe mô tô của Nguyễn Ngọc Th rồi nhảy lên xe của Th để bỏ chạy thì bị ngã từ trên xe mô tô xuống. Cùng lúc H đang điều khiển xe mô tô từ nhà bà hạnh về nhà nghỉ Hoài Thu II, thấy V bị thương và đang chạy theo H, V chỉ tay về phía xe Th và nói bị H đánh nên H quay xe lại và đuổi theo xe của Th. Khi đuổi kịp, H tóm lấy và giằng co xô đẩy H vào bãi cát bên phải đường rồi dùng tay đâm vào mặt H ba cái, H chạy đến dùng dao chém trúng vào đầu, lưng và chân của H thì H ngăn lại và lấy dao trên tay của H. Nguyễn Xuân Th cầm đuôi gỗ theo đánh H nhưng chạy khoảng 100m thì tự ngã bị trầy xước ở vùng mắt nên quay về, Đ chạy đến lấy gậy gỗ của Th chạy đến đánh một cái trúng vào đùi chân (vùng túi quần) của H làm điện thoại bị hư hỏng. Hậu quả: Nguyễn Ngọc H bị một vết thương vùng thái dương chằm trái kích thước 10cm x 0,1cm, bờ mép sắc nhọn đang liền sẹo, tỷ lệ thương tích 08%; vết thương trên ngoài cung mày phải kích thước 3,5cm x 0,1cm, bờ mép sắc gọn đang liền sẹo. Tỷ lệ thương tích là 01%; Vết thương trên đỉnh chằm phải kích thước 3cm x 0,1 cm, bờ mép sắc gọn đang liền sẹo. Tỷ lệ thương tích 01 %; Mắt phải bầm tím mi trên và mi dưới, xuất huyết kết mạc, thị lực mắt phải 10/10, mắt trái 10/10. Tỷ lệ thương tích 0 %; Gãy hờ đốt một ngón IV bàn tay trái, đã phẫu thuật kết hợp xương, hiện tại còn mang phông tiện, xương chưa căn, sẹo mổ trùng vết thương ở đốt 1 ngón IV kích thước 3cm x 0,1cm. Tỷ lệ thương tích 02%; Vết thương 1/3 dưới ngoài đùi phải kích thước 8 x 0,1 cm, bờ mép sắc nhọn đang liền sẹo. Tỷ lệ thương tích là 08%; thất lưng phải có một sẹo kích thước 10cm x 0,2cm màu đỏ sẫm. Tỷ lệ thương tích là 08%. Kết luận giám định pháp y về thương tích số 53/TgT ngày 14/8/2017 của Trung tâm GĐYK – PY tỉnh Quảng Bình kết luận: Tổng tỷ lệ thương tích của anh Nguyễn Ngọc H do bị các thương tích gây nên là 25%. Cơ chế hình Th thương tích: Thương tích ở mắt phải do vật tày gây nên. Các vết thương ở thái dương chằm trái, trên ngoài cung mày phải, đỉnh chằm phải, ngón IV bàn tay trái, đùi phải và thất lưng phải do vật sắc gây nên. Các thương tích trên không xác định được có để lại cố tật hay không.

Vật chứng vụ án: Thu giữ một dùi gỗ hình chữ nhật KT: 43cm x 01 cm x 1,5cm, một đầu thanh gỗ nhẵn, đầu còn lại bị nứt, gãy xước. Đối với con dao làm bằng kim loại có màu xám đen dài khoảng 45cm, cán bằng kim loại lưỡi dao bằng rộng khoảng 5cm do Nguyễn Văn H sử dụng chém Nguyễn Ngọc H gây thương tích, sau khi gây án Nguyễn Văn H đã cầm dao về cất giấu tại nhà của Trần Ngọc V ở thôn TH, xã T, cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm vật chứng nhưng không thu giữ được.

Trách nhiệm dân sự: Bị can Nguyễn Văn H tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Ngọc H số tiền 50.000.000 đồng viện phí và tổn thất tinh thần. Nguyễn Văn Đ đã bồi thường cho anh H số tiền 30.000.000 đồng về cái điện thoại di động bị hỏng và sợi dây chuyền vàng bị mất trong quá trình bị đuổi đánh. Anh H đã nhận đủ 80.000.000 đồng và làm đơn bãi nại đề nghị không yêu cầu xử lý hình sự đối với vụ việc.

Tại bản Cáo trạng số 79/THQCT-KSĐT ngày 14/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104) của Bộ luật Hình sự năm 1999. Áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm b, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 và điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 (điều khoản có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015 so với khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 104 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104) Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm b, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 và điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 (điều khoản có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015 so với khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999) xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Vật chứng vụ án: Đề nghị HĐXX Áp dụng điểm a khoản 1 điều 41 BLHS, điểm đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 dùi gỗ hình chữ nhật KT: 43cm x 01 cm x 1,5cm, một đầu thanh gỗ nhẵn, đầu còn lại bị nứt, gãy xước.

Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và được cải tạo giáo dục tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn H đã thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời trình bày của người bị hại, những người làm chứng

cũng như các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và được xét hỏi tranh luận tại phiên tòa. Do đó có cơ sở xác định: ngày 04/8/2017 tại xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình Nguyễn Văn H đã dùng dao bằng kim loại là hung khí nguy hiểm chém nhiều nhất trúng vào người anh Nguyễn Ngọc H làm anh H bị thương ở đầu, lưng và chân. Tổng tỷ lệ thương tích của các vết thương mà bị cáo gây ra cho anh H là 25%. Xét thấy diễn biến hành vi phạm tội mà bị cáo khai nhận đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Khi thực hiện hành vi bị cáo đã dùng dao là loại hung khí nguy hiểm, có khả năng gây thương tích cao, đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội thấy: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tính mạng, sức khỏe của người khác mà còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn, ảnh hưởng đến cuộc sống bình yên ở khu dân cư. Bị cáo là thanh niên tuổi đời còn trẻ, có đầy đủ khả năng nhận thức cũng như khả năng điều khiển hành vi, nhưng vì bản tính nóng nảy, thiếu kiềm chế, nên khi xảy ra mâu thuẫn đã sử dụng hung khí nguy hiểm, để hành hung người bị hại. Hành vi của bị cáo cho thấy bị cáo là đối tượng có ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự để xử lý nghiêm đối với bị cáo nhằm đảm bảo răn đe, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo: Đó là trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã Th khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại; nguyên nhân xảy ra sự việc có một phần lỗi của người bị hại; Bị hại đã làm đơn đề nghị bãi nại, yêu cầu không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự cần áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét bị cáo là người có quá trình nhân thân tốt, tại địa phương là một thanh niên luôn tham gia tích cực các phong trào của thôn cũng như của xã. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng; mặt khác xét thấy bị cáo phạm tội do nóng nảy bột phát nhất thời, vì vậy, Hội đồng xét xử thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội để cải tạo mà áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo được học tập, cải tạo tại địa phương cũng đủ nghiêm, phù hợp chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự.

Trong vụ án này, quá trình can ngăn Nguyễn Ngọc H, V khai bị H dùng dao chém gây thương tích không đáng kể ở sau gáy nhưng H không thừa nhận, sau khi nhận được tiền bồi thường thiệt hại H đã đi khỏi địa phương. V đã làm đơn từ chối giám định thương tật và không yêu cầu xử lý nên không giải quyết. Các đối tượng Nguyễn Văn H đã dùng tay đánh vào mặt của H, Nguyễn Văn Đ dùng đũa đánh vào chân của H làm hỏng ĐTDD. Do thương tích không đáng kể và anh H đã có đơn bãi nại đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an B xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự đối với H và Đ là có căn cứ. Đối với

Nguyễn Xuân Th cầm gậy gỗ đuổi theo để đánh anh H nhưng do tự té ngã bị trầy xước ở vùng đuôi mắt rồi quay về, không tham gia đánh H nên không xử lý là phù hợp nhưng cũng cần triệu tập đến phiên tòa nhắc nhở rút kinh nghiệm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn H tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Ngọc H số tiền 50.000.000 đồng viện phí và tổn thất tinh thần. Nguyễn Văn Đ đã bồi thường cho anh H số tiền 30.000.000 đồng về cái điện thoại di động bị hỏng và sợi dây chuyền vàng bị mất trong quá trình bị đuổi đánh. Anh H đã nhận đủ 80.000.000 đồng. Cho đến phiên tòa hôm nay phía người bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

Về vật chứng vụ án: một đùi gỗ hình chữ nhật KT: 43cm x 01 cm x 1,5cm, một đầu thanh gỗ nhẵn, đầu còn lại bị nứt, gãy xước đây là hung khí sử dụng vào việc phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/11/2017).

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104) Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 về việc thi hành BLHS số 100/2015/QH13; điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 (Điều khoản có lợi cho người phạm tội); Các điểm b, p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong. HĐXX không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy một đùi gỗ hình chữ nhật KT: 43cm x 01 cm x 1,5cm, một đầu thanh gỗ nhẵn, đầu còn lại bị nứt, gãy xước (vật chứng trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/11/2017).

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Văn H

phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm bị cáo, người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/12/2017) để yêu cầu toà án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú.

(Đã giải thích chế định án treo)

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- CA huyện B;
- VKSND huyện B (2b);
- TAND tỉnh Q.Bình;
- THADS huyện B;
- THA phạt tù;
- Bị cáo (4b);
- UBND xã T;
- Người bị hại.
- Sở tư pháp QB

(đã ký)

Nguyễn Thị Loan